



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam

AFC Vietnam Auditing Co., Ltd

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế

Member firm of PKF International



Accountants &  
business advisers

## **CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28  
tháng 12 năm 2017

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH</b>	1 – 2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	3 – 4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 32

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG  
Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng  
**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH**

Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cấp Nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017.

### 1. Thông tin chung

Công ty TNHH MTV Cấp Nước Sóc Trăng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 220010729 ngày 23 tháng 12 năm 2009 và đã được thay đổi lần thứ 5 với số 2200107297 ngày 20 tháng 06 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại : 0299 3 612 939
- Fax : 0299 3 621 278

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Giám sát thi công xây dựng.

### 2. Chủ tịch, Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kiểm soát viên

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Chủ tịch Công ty

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Văn Ngo	Chủ tịch	Ngày 18 tháng 04 năm 2014

#### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Văn Ngo	Tổng Giám đốc	Ngày 18 tháng 04 năm 2014
Ông Ông Hải Phước	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 03 năm 2015
Ông Trần Anh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 03 năm 2015

#### Kiểm soát viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Võ Thị Phương Diệu	Kiểm soát viên	Ngày 04 tháng 02 năm 2013

#### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Văn Ngo	Tổng Giám đốc	Ngày 18 tháng 04 năm 2014

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần tại ngày 29 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định 137/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp Nước Sóc Trăng và Biên bản bản giao của UBND tỉnh Sóc Trăng

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 7. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Công ty có khoản nợ ngắn hạn phải trả tại ngày 28 tháng 12 năm 2017 là 173.395.599.460 VND lớn hơn tài sản ngắn hạn là với số tiền là 52.429.779.117 VND, tương đương nợ ngắn hạn lớn hơn 1,43 lần so với tài sản ngắn hạn là do trong quá trình cổ phần hóa, Công ty có phát sinh khoản phải trả về cổ phần hóa cho nhà nước và khoản nợ vay dài hạn đã đến hạn trong năm tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc cam kết sẽ cơ cấu lại tài sản, tạo lưu chuyển tiền tệ đủ để đáp ứng khả năng thanh toán đúng hạn và cung cấp nguồn vốn tài trợ khi cần thiết để đảm bảo tỷ lệ thanh khoản và giảm tỷ lệ nợ phải trả ngắn hạn trên tài sản ngắn hạn. Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng không có vấn đề nào ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

### 8. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chủ tịch Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 28 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Công ty,



**Ông ĐẶNG VĂN NGỌ**

Chủ tịch Công ty

Sóc Trăng, ngày 30 tháng 03 năm 2018



Số: 011A/2018/BCKT-CT.00178

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu, Chủ tịch, các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Cấp Nước Sóc Trăng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 28 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp Nước Sóc Trăng tại ngày 28 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Ở đây, chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như trên, mà chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo này đến vấn đề sau: Như đã nêu ở mục 8.3 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có khoản nợ ngắn hạn phải trả tại ngày 28 tháng 12 năm 2017 là 173.395.599.460 VND vượt tài sản ngắn hạn với số tiền là 52.429.779.117 VND, tương đương nợ ngắn hạn lớn hơn 1,43 lần so với tài sản ngắn hạn là do trong quá trình cổ phần hóa, Công ty có phát sinh khoản phải trả về cổ phần hóa cho nhà nước và khoản nợ vay dài hạn đã đến hạn trong năm tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc cam kết sẽ cơ cấu lại tài sản, tạo lưu chuyển tiền tệ đủ để đáp ứng khả năng thanh toán đúng hạn và cung cấp nguồn vốn tài trợ khi cần thiết để đảm bảo tỷ lệ thanh khoản và giảm tỷ lệ nợ phải trả ngắn hạn trên tài sản ngắn hạn. Do đó, khả năng Công ty tiếp tục hoạt động liên tục phụ thuộc vào việc thực hiện các hoạt động kinh doanh có lãi trong tương lai và việc cơ cấu lại tài sản của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017 đã được soạn thảo trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính Công ty TNHH MTV Cấp Nước Sóc Trăng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần tại ngày 07 tháng 02 năm 2017.



**NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH**

**Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 03 năm 2018

**NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2860-2014-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 28 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	28/12/2017	01/01/2017
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>120.965.820.343</b>	<b>36.616.649.108</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>81.441.680.941</b>	<b>3.882.404.638</b>
Tiền	111		81.441.680.941	3.882.404.638
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>19.339.876.319</b>	<b>11.591.649.657</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	12.413.248.247	8.183.598.512
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.507.572.891	2.864.343.698
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	5.419.055.181	543.707.447
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>11.925.183.766</b>	<b>16.581.685.724</b>
Hàng tồn kho	141	5.5	11.925.183.766	16.581.685.724
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.259.079.317</b>	<b>4.560.909.089</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.245.881.431	4.189.859.074
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	13.197.886	371.050.015
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 28 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	28/12/2017	01/01/2017
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>285.870.259.755</b>	<b>137.796.696.667</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>248.086.352.540</b>	<b>99.427.220.194</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	248.086.352.540	95.623.305.790
<i>Nguyên giá</i>	222		439.243.651.119	252.568.397.483
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(191.157.298.579)	(156.945.091.693)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	3.803.914.404
<i>Nguyên giá</i>	228		-	3.803.914.404
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.327.251.964</b>	<b>13.228.106.070</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	4.327.251.964	13.228.106.070
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>12.064.000.000</b>	<b>12.064.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.9	12.064.000.000	12.064.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.392.655.251</b>	<b>13.077.370.403</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	21.392.655.251	13.077.370.403
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>406.836.080.098</b>	<b>174.413.345.775</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 28 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	28/12/2017	01/01/2017
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>248.204.750.098</b>	<b>112.635.521.817</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>173.395.599.460</b>	<b>62.148.896.722</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	23.487.464.338	10.414.856.076
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	69.225.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.351.560.509	425.742.284
Phải trả người lao động	314		5.747.805.049	6.153.093.239
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14.1	89.017.144.841	1.982.243.419
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15.1	50.348.073.597	35.158.494.652
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quý khen thưởng, phúc lợi	322	5.16	3.374.326.126	8.014.467.052
Quý bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>74.809.150.638</b>	<b>50.486.625.095</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.14.2	356.471.895	397.369.895
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15.2	74.452.678.743	50.089.255.200
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quý phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 28 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	28/12/2017	01/01/2017
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>158.631.330.000</b>	<b>61.777.823.958</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>158.631.330.000</b>	<b>61.777.823.958</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		158.631.330.000	61.777.823.958
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>			-	-
<i>lấy kể đến cuối kỳ trước</i>	421a		-	-
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		-	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>406.836.080.098</b>	<b>174.413.345.775</b>



**VÕ THỊ PHƯƠNG DIỆU**  
Người lập biểu

**NGUYỄN VĂN GÕ**  
Kế toán trưởng

**ĐẶNG VĂN NGỌ**

Tổng Giám đốc

Sóc Trăng, ngày 30 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017	2016
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>130.102.334.984</b>	<b>118.214.295.055</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		130.102.334.984	118.214.295.055
Giá vốn hàng bán	11	6.2	64.837.800.203	64.069.919.093
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>65.264.534.781</b>	<b>54.144.375.962</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	106.073.399	206.603.608
Chi phí tài chính	22	6.4	9.385.765.506	5.390.298.897
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		9.385.765.506	5.390.298.897
Chi phí bán hàng	25	6.5	27.259.288.580	18.807.270.213
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	23.761.334.338	22.359.393.845
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.964.219.756</b>	<b>7.794.016.615</b>
Thu nhập khác	31	6.7	3.932.881.960	347.570.395
Chi phí khác	32		43.518.400	42.384.000
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>3.889.363.560</b>	<b>305.186.395</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.853.583.316	8.099.203.010
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	1.770.716.663	1.582.087.678
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>7.082.866.653</b>	<b>6.517.115.332</b>



**VÕ THỊ PHƯƠNG DIỆU**  
Người lập biểu



**NGUYỄN VĂN GÕ**  
Kế toán trưởng



**ĐẶNG VĂN NGỌ**  
Tổng Giám đốc  
Sóc Trăng, ngày 30 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017	2016
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		8.853.583.316	8.099.203.010
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		23.750.916.565	25.875.580.311
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.811.489.175)	(206.603.608)
Chi phí lãi vay	06		9.385.765.506	5.390.298.897
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		38.178.776.212	39.158.478.610
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.446.396.890)	(6.322.497.576)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.656.501.958	(6.722.911.310)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		96.573.224.062	2.515.024.644
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.721.007.470)	(6.042.142.556)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.385.765.506)	(5.390.298.897)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.102.624.534)	(1.600.878.885)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	128.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.497.831.531)	(5.380.323.351)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>100.254.876.301</b>	<b>10.342.450.679</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(71.072.087.070)	(52.891.958.143)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		6.832.267.964	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	522.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		99.672.052	206.603.608
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(64.140.147.054)</b>	<b>(52.163.354.535)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày	
			01/01/2017 đến ngày 28/12/2017	2016
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.891.544.568	1.318.693.501
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.2	99.990.925.378	77.112.350.268
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.3	(60.437.922.890)	(36.544.105.880)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>41.444.547.056</b>	<b>41.886.937.889</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>77.559.276.303</b>	<b>66.034.033</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>3.882.404.638</b>	<b>3.816.370.605</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>81.441.680.941</b>	<b>3.882.404.638</b>



**VÕ THỊ PHƯƠNG DIỆU**  
Người lập biểu



**NGUYỄN VĂN GÕ**  
Kế toán trưởng



**ĐẶNG VĂN NGỌ**  
Tổng Giám đốc

Sóc Trăng, ngày 30 tháng 03 năm 2018

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Cấp Nước Sóc Trăng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Giám sát thi công xây dựng.

#### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.5 Cấu trúc Công ty

##### Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Nước Sóc Trăng	Đường D4, Khu công nghiệp An Nghiệp, Phường 7, Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	29,00%	29,00%	29,00%

#### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 28 tháng 12 năm 2017 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

#### 1.7 Nhân viên

Tại ngày 28 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 307 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 293 người).

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đây là kỳ tài chính cuối cùng của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và kết thúc vào ngày 28 tháng 12 năm 2017

#### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo

#### **4.3 Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

### Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 3 đến 4 năm.

### Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 19 tháng 07 năm 2016 của Công ty TNHH MTV Cấp Nước Sóc Trăng Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

## 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20
Dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 10

## 4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các công trình đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.10 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương cơ bản vào chi phí 5 tháng đầu năm 2017 là 18% và 7 tháng cuối năm 2017 là 17,5% và trích từ lương người lao động là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trích từ lương người lao động là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trích từ lương người lao động là 1%.
- Ngoài ra, Công ty còn trích kinh phí Công đoàn 2% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội.

### 4.11 Vốn chủ sở hữu

#### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

### 4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

### Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

#### 4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ là chi phí thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### 4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty CP Nước Sóc Trăng	Công ty liên kết
Chủ tịch Công ty, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	28/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	100.210.000	69.760.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	81.341.470.941	3.812.644.638
- VND	81.336.086.941	3.796.966.877
- EUR	(i) 5.384.000	15.677.761
	<b>81.441.680.941</b>	<b>3.882.404.638</b>

#### (i) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ tại ngày 28 tháng 12 năm 2017

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- EUR	200,00	5.384.000

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

**5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	28/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Các khách hàng khác	12.413.248.247	8.183.598.512
	<b>12.413.248.247</b>	<b>8.183.598.512</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	28/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Công ty TNHH Cấp Nước Hà Lan	-	1.803.301.800
Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Thuận Kiến	-	605.869.898
Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Hoàn Mỹ Việt Nam	906.884.000	-
Công ty CP TK và Xây dựng Lĩnh Nam Sóc Trăng	370.071.938	-
Các nhà cung cấp khác	230.616.953	455.172.000
	<b>1.507.572.891</b>	<b>2.864.343.698</b>

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	28/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Phải thu về tạm ứng	-	-	10.660.000	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	196.042.721	-	-	-
Phải thu về chi phí cổ phần hóa (*)	452.231.000	-	-	-
Phải thu tiền mua đất khi cổ phần hóa (*)	2.300.916.276	-	-	-
Phải thu tiền mua đất năm 2016 và năm 2017 khi cổ phần hóa (*)	2.330.140.000	-	-	-
Phải thu khác	139.725.184	-	533.047.447	-
	<b>5.419.055.181</b>	<b>-</b>	<b>543.707.447</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là giá trị đang chờ quyết toán công tác cổ phần hóa của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Sóc Trăng.

**5.5 Hàng tồn kho**

	28/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.541.277.535	-	16.278.540.351	-
Công cụ, dụng cụ	383.906.231	-	303.145.373	-
	<b>11.925.183.766</b>	<b>-</b>	<b>16.581.685.724</b>	<b>-</b>

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG  
 Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

**5.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2017	52.016.766.940	36.753.757.290	161.576.808.854	1.538.840.138	682.224.261	252.568.397.483
Mua trong kỳ	146.643.000	3.416.440.000	130.000.000	159.090.909	-	3.852.173.909
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.270.668.709	24.941.994.692	44.591.063.866	-	-	74.803.727.267
Giá trị tăng do đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa	40.109.995.986 (*)	-	71.511.220.131	-	-	111.621.216.117
Giảm do thanh lý	(1.349.087.331)	-	(2.252.776.326)	-	-	(3.601.863.657)
Tại ngày 28/12/2017	96.194.987.304	65.112.191.982	275.556.316.525	1.697.931.047	682.224.261	<b>439.243.651.119</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2017	28.329.153.094	22.366.430.685	104.843.421.600	824.290.475	581.795.839	156.945.091.693
Khấu hao trong kỳ	4.949.410.736	3.430.852.381	10.037.414.855	206.734.941	25.916.328	18.650.329.241
Giá trị tăng do đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa	15.310.358.696 (*)	(7.040.136.981)	8.068.100.735	(295.031.989)	-	16.043.290.461
Giảm do thanh lý	(177.033.790)	-	(304.379.026)	-	-	(481.412.816)
Tại ngày 28/12/2017	48.411.888.736	18.757.146.085	122.644.558.164	735.993.427	607.712.167	<b>191.157.298.579</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2017	23.687.613.846	14.387.326.605	56.733.387.254	714.549.663	100.428.422	95.623.305.790
Tại ngày 28/12/2017	47.783.098.568	46.355.045.897	152.911.758.361	961.937.620	74.512.094	<b>248.086.352.540</b>
<b>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</b>						
Tại ngày 01/01/2017	11.112.860.834	9.029.525.653	58.785.143.684	347.732.728	423.061.033	79.698.323.932
Tại ngày 28/12/2017	-	-	-	-	423.061.033	<b>423.061.033</b>

(\*) Giá trị tăng theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 19 tháng 07 năm 2016 của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015  
 Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 28/12/2017 là 76.617.213.889 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo  
 cho các khoản vay tại các ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

**5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>
	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2017	3.803.914.404
Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	1.317.040.000
Giảm khi cổ phần hóa (*)	(5.120.954.404)
Tại ngày 28/12/2017	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2017	-
Tại ngày 28/12/2017	-
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2017	3.803.914.404
Tại ngày 28/12/2017	-
<b>Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</b>	
Tại ngày 01/01/2017	1.226.932.467
Tại ngày 28/12/2017	-

(\*) Giảm giá trị theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 19 tháng 07 năm 2016 của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015

**5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2017	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	28/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Quyền sử dụng đất	1.281.940.000	35.100.000	(1.317.040.000)	-
Bể 500m <sup>3</sup> tại nhà máy nước Phường 8, TP. Sóc Trăng	-	1.334.732.455	-	1.334.732.455
Tủ điều khiển và hệ thống cấp nước tại nhà máy nước Phú Lợi	-	956.159.773	-	956.159.773
Hệ thống tuyến ống cấp nước tại các nhà máy	6.542.982.356	1.243.235.443	(7.786.217.799)	-
Khu xử lý, bể lắng, bể lọc, lắp đặt cụm xử lý sắt	5.778.182	5.957.308.480	(5.963.086.662)	-
Hệ thống xử lý RO - Phú Lợi	-	11.196.751.903	(11.196.751.903)	-
Công trình khác	5.397.405.532	46.496.625.107	(49.857.670.903)	2.036.359.736
	<b>13.228.106.070</b>	<b>67.219.913.161</b>	<b>(76.120.767.267)</b>	<b>4.327.251.964</b>

**5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Thông tin về khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty như sau:

	28/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Công ty CP Nước Sóc Trăng	12.064.000.000	-	(*)	12.064.000.000	-	(*)
	<b>12.064.000.000</b>	<b>-</b>	<b>12.064.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200680885 ngày 28 tháng 10 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 04 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp. Hoạt động kinh doanh chủ yếu Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng là khai thác, xử lý và cung cấp nước, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng..... Tỷ lệ góp vốn của Công ty vào Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng là 29,00%.

**5.10 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	28/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí lắp đặt miễn phí, bảo dưỡng	13.883.029.553	13.077.370.403
Chi phí lắp trụ cứu hỏa	1.431.867.689	-
Chi phí trả tiền sử dụng đất do xác định lại giá trị doanh nghiệp	489.898.128	-
Lợi thế kinh doanh do xác định lại giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa	2.594.277.378	-
Chi phí sửa chữa tài sản	2.993.582.503	-
	<b>21.392.655.251</b>	<b>13.077.370.403</b>

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	28/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Công ty CP Nước Sóc Trăng	1.197.037.110	1.119.569.262
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty CP Nước Lành	1.468.000.000	-
Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa	-	1.293.395.976
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	2.608.541.870	1.729.896.212
Công ty CP Hawaco Miền Nam	3.121.124.600	2.297.130.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Xuất Nhập Khẩu Phú Thái	3.816.870.000	2.770.212.500
Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Thuận Kiến	2.099.841.647	-
Công ty TNHH Thuận Hòa Hưng	3.234.547.160	244.354.085
Các khách hàng khác	5.941.501.951	960.298.041
	<b>23.487.464.338</b>	<b>10.414.856.076</b>

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	28/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>		
Công ty CP Đầu Tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hồng Phát	69.225.000	-
	<b>69.225.000</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

### 5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phát sinh trong kỳ		28/12/2017	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.197.886	-	-	-	13.197.886	-
Thuế TNDN	317.162.901	-	1.770.716.663	(1.102.624.534)	-	350.929.228
Thuế thu nhập cá nhân	-	58.869.866	186.315.300	(60.011.217)	-	185.173.949
Thuế tài nguyên	40.689.228	-	6.138.822.524	(5.558.013.972)	-	540.119.324
Các loại thuế khác	-	366.872.418	5.112.348.651	(5.203.883.061)	-	275.338.008
	<b>371.050.015</b>	<b>425.742.284</b>	<b>13.208.203.138</b>	<b>(11.924.532.784)</b>	<b>13.197.886</b>	<b>1.351.560.509</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

huế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động nước sạch chịu thuế suất 5%; nước đóng chai chịu thuế suất 10%, phí lắp đặt chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>8.853.583.316</b>	<b>8.099.203.010</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(188.764.619)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>8.853.583.316</b>	<b>7.910.438.391</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.770.716.663</b>	<b>1.582.087.678</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng là 20%.		
Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp theo qui định.		

### 5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

#### 5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác

	28/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	8.857.712	-
Phải trả nhà nước về tiền bán cổ phần	79.698.257.765	-
Phải trả nhà nước về khoản vốn viện trợ và vốn bổ sung từ kết quả kinh doanh năm 2016, năm 2017	3.435.417.608	-
Phải trả tiền thu hộ phí thoát nước	5.504.488.168	1.587.097.094
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	370.123.588	395.146.325
	<b>89.017.144.841</b>	<b>1.982.243.419</b>

#### 5.14.2 Phải trả ngắn hạn khác

	28/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	356.471.895	397.369.895
	<b>356.471.895</b>	<b>397.369.895</b>



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG  
Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

	28/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>5.15 Vay ngắn hạn, dài hạn</b>				
<b>5.15.1 Vay ngắn hạn</b>				
<b>Vay các tổ chức và cá nhân khác</b>				
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sóc Trăng	-	-	12.589.167.487	12.589.167.487
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Cần Thơ	3.279.592.654	3.279.592.654	2.443.375.480	2.443.375.480
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	9.893.404.796	9.893.404.796	3.000.000.000	3.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	9.768.986.367	9.768.986.367	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	27.406.089.780	27.406.089.780	17.125.951.685	17.125.951.685
	<b>50.348.073.597</b>	<b>50.348.073.597</b>	<b>35.158.494.652</b>	<b>35.158.494.652</b>

**Chi tiết số phát sinh và các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:**

	01/01/2017		Phát sinh tăng trong kỳ VND	Kết chuyển từ vay dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	28/12/2017	
	VND	VND				VND	VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>							
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sóc Trăng	12.589.167.487		8.921.384.008	-	(21.510.551.495)	-	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Cần Thơ	2.443.375.480		9.206.563.739	-	(8.370.346.565)	(a)	3.279.592.654
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	3.000.000.000		17.075.198.021	-	(10.181.793.225)	(b)	9.893.404.796
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Sóc Trăng	-		11.095.166.287	-	(1.326.179.920)	(c)	9.768.986.367
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>							
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sóc Trăng	2.330.000.000		-	3.356.000.000	(2.330.000.000)		3.356.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	8.835.444.347		-	13.549.231.263	(8.835.444.347)		13.549.231.263
- Ngân hàng Phát Triển VN - CN Sóc Trăng	2.346.000.000		-	2.346.000.000	(2.346.000.000)		2.346.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	3.614.507.338		-	2.700.858.517	(3.614.507.338)		2.700.858.517
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	-		-	5.454.000.000	-		5.454.000.000
	<b>35.158.494.652</b>		<b>46.298.312.055</b>	<b>27.406.089.780</b>	<b>(58.514.822.890)</b>		<b>50.348.073.597</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

- (a) Đây là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0024/2017/HĐTD-DN ngày 27 tháng 10 năm 2017 tại ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Cần Thơ
- Hạn mức : 10.000.000.000 VND  
Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động khai thác, cung cấp nước  
Thời hạn vay : không quá 6 tháng  
Lãi suất vay : 9,3%/năm - 9,7%/năm  
Hình thức đảm bảo : Tín chấp  
Số dư tại ngày 28/12/2017 : 3.279.592.654 VND
- (b) Đây là khoản vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số 06850/2017-HĐCVHM/NHCT822 được ký ngày 12 tháng 05 năm 2017 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Sóc Trăng
- Hạn mức : 10.000.000.000 VND  
Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động khai thác, cung cấp nước  
Thời hạn vay : không quá 6 tháng  
Lãi suất vay : 8%/ năm  
Hình thức đảm bảo : Tín chấp  
Số dư tại ngày 28/12/2017 : 9.893.404.796 VND
- (c) Đây là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 05 ký ngày 18 tháng 10 năm 2016 tại Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Sóc Trăng
- Hạn mức : 10.000.000.000 VND  
Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động khai thác, cung cấp nước  
Thời hạn vay : không quá 6 tháng  
Lãi suất vay : 8%/ năm  
Hình thức đảm bảo : Tín chấp  
Số dư tại ngày 28/12/2017 : 9.768.986.367 VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

**5.15.2 Vay dài hạn**

	28/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay các tổ chức và cá nhân khác</b>				
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sóc Trăng	(a) 11.833.249.197	11.833.249.197	10.007.000.000	10.007.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	(b) 53.002.507.694	53.002.507.694	39.420.994.840	39.420.994.840
- Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - CN Sóc Trăng	(c) 7.031.641.910	7.031.641.910	9.377.641.910	9.377.641.910
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	(d) 4.795.062.797	4.795.062.797	8.409.570.135	8.409.570.135
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Sóc Trăng	(e) 25.196.306.925	25.196.306.925	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>				
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sóc Trăng	3.356.000.000	3.356.000.000	2.330.000.000	2.330.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	13.549.231.263	13.549.231.263	8.835.444.347	8.835.444.347
- Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - CN Sóc Trăng	2.346.000.000	2.346.000.000	2.346.000.000	2.346.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	2.700.858.517	2.700.858.517	3.614.507.338	3.614.507.338
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Sóc Trăng	5.454.000.000	5.454.000.000	-	-
	<b>74.452.678.743</b>	<b>74.452.678.743</b>	<b>50.089.255.200</b>	<b>50.089.255.200</b>

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:**

	01/01/2017		28/12/2017	
	VND	Số tiền tăng trong kỳ VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	Số tiền kết chuyển sang nợ vay ngắn hạn VND
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>				
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sóc Trăng	7.677.000.000	4.376.249.197	(220.000.000)	8.477.249.197
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	30.585.550.493	22.416.957.201	-	39.453.276.431
- Ngân hàng Phát Triển VN - CN Sóc Trăng	7.031.641.910	-	-	4.685.641.910
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	4.795.062.797	-	-	2.094.204.280
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Sóc Trăng	-	26.899.406.925	(1.703.100.000)	19.742.306.925
	<b>50.089.255.200</b>	<b>53.692.613.323</b>	<b>(1.923.100.000)</b>	<b>74.452.678.743</b>

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

- (a) Đây là các khoản vay của tất cả các hợp đồng ký kết với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sóc Trăng
- Mục đích vay : Đầu tư xây dựng nhà máy nước, hệ thống cấp nước, mua sắm máy móc thiết bị phục vụ khai thác và cung cấp nước.
- Lãi suất vay : 11%/ năm - 11,2%/ năm
- Hình thức đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị còn lại ngày 28/12/2017 là 13.719.267.001 VND
- Số dư tại ngày 28/12/2017 : 11.833.249.197 VND
- (b) Đây là các khoản vay của tất cả các hợp đồng ký kết với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng
- Mục đích vay : Đầu tư xây dựng nhà làm việc, nhà máy nước, hệ thống xử lý nước, các tuyến ống cấp nước; mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ khai thác và cung cấp nước.
- Lãi suất vay : 10,5%/ năm
- Hình thức đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị còn lại ngày 28/12/2017 là 53.251.242.797 VND
- Số dư tại ngày 28/12/2017 : 53.002.507.694 VND
- (c) Đây là các khoản vay của tất cả các hợp đồng được ký kết với Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - CN Sóc Trăng
- Mục đích vay : Xây dựng và mở rộng hệ thống cấp nước
- Lãi suất vay : 2,75%/ năm
- Hình thức đảm bảo : Vay từ nguồn vốn ODA không có tài sản bảo đảm
- Số dư tại ngày 28/12/2017 : 7.031.641.910 VND
- (d) Đây là các khoản vay của các hợp đồng ký kết với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng
- Mục đích vay : Đầu tư xây dựng văn phòng làm việc, các tuyến ống cấp nước.
- Lãi suất vay : 10,5%/ năm - 13,5%/ năm
- Hình thức đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị còn lại ngày 28/12/2017 là 9.646.704.091 VND
- Số dư tại ngày 28/12/2017 : 4.795.62.797 VND
- (e) Đây là các khoản vay của các hợp đồng ký kết Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Sóc Trăng
- Mục đích vay : Đầu tư xây dựng nhà làm việc, nhà máy nước, hệ thống xử lý nước, các tuyến ống cấp nước.
- Lãi suất vay : 2,75%/ năm
- Hình thức đảm bảo : Tín chấp
- Số dư tại ngày 28/12/2017 : 25.196.306.925 VND

**Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:**

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND
<b>Tại ngày 28/12/2017</b>			
Vay dài hạn ngân hàng			
- Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - CN Sóc Trăng	7.031.641.910	2.346.000.000	4.685.641.910
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sóc Trăng	11.833.249.197	3.356.000.000	8.477.249.197
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	4.795.062.797	2.700.858.517	2.094.204.280
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	53.002.507.694	13.549.231.263	39.453.276.431
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Sóc Trăng	25.196.306.925	5.454.000.000	19.742.306.925
	<b>101.858.768.523</b>	<b>27.406.089.780</b>	<b>74.452.678.743</b>

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>			
Vay dài hạn ngân hàng			
- Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - CN Sóc Trăng	9.377.641.910	2.346.000.000	7.031.641.910
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sóc Trăng	10.007.000.000	2.330.000.000	7.677.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	8.409.570.135	3.614.507.338	4.795.062.797
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	39.420.994.840	8.835.444.347	30.585.550.493
	<b>67.215.206.885</b>	<b>17.125.951.685</b>	<b>50.089.255.200</b>

**5.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2017 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong kỳ VND	Kết chuyển sử dụng nguồn	28/12/2017 VND
Quỹ khen thưởng	6.089.496.134	3.987.681.714	(7.776.360.000)	-	2.300.817.848
Quỹ phúc lợi xã hội	1.682.384.783	2.658.940.891	(3.514.741.555)	(146.643.000)	679.941.119
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	-	-	(20.367.080)	146.643.000	126.275.920
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	242.586.135	211.068.000	(186.362.896)	-	267.291.239
	<b>8.014.467.052</b>	<b>6.857.690.605</b>	<b>(11.497.831.531)</b>	-	<b>3.374.326.126</b>

**5.17 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Năm trước</b>				
Tại ngày 01/01/2016	60.459.130.457	-	-	60.459.130.457
Lãi trong năm	-	-	6.517.115.332	6.517.115.332
Tăng vốn	1.318.693.501	(148.590.230)	-	1.170.103.271
Trích lập quỹ trong năm	-	148.590.230	(148.590.230)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.368.525.102)	(6.368.525.102)
Tại ngày 31/12/2016	<b>61.777.823.958</b>	-	-	<b>61.777.823.958</b>
<b>Kỳ này</b>				
Tại ngày 01/01/2017	61.777.823.958	-	-	61.777.823.958
Lãi trong kỳ	-	-	7.082.866.653	7.082.866.653
Tăng vốn (*)	96.853.506.042	(225.662.463)	-	96.627.843.579
Trích lập các quỹ	-	225.662.463	(225.662.463)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.857.204.190)	(6.857.204.190)
Tại ngày 28/12/2017	<b>158.631.330.000</b>	-	-	<b>158.631.330.000</b>

(\*) Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 19 tháng 07 năm 2016 của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

### Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2017 theo nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	225.662.463
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.857.204.190

### 5.18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

#### 5.18.1 Ngoại tệ các loại

	28/12/2017	01/01/2017
Dollar Mỹ (USD)	200,00	200,00

#### 5.18.2 Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	28/12/2017	01/01/2017
Phải thu tiền nước các hộ dân	Không có khả năng thu hồi	395.484.576	317.672.877
		<u>395.484.576</u>	<u>317.672.877</u>

## 6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa	130.102.334.984	118.214.295.055
	<u>130.102.334.984</u>	<u>118.214.295.055</u>

### 6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017 VND	2016 VND
Giá vốn hàng hóa	64.837.800.203	64.069.919.093
	<u>64.837.800.203</u>	<u>64.069.919.093</u>

### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	99.672.052	17.838.989
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	188.764.619
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.401.347	-
	<u>106.073.399</u>	<u>206.603.608</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	9.383.574.635	5.390.298.897
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.190.871	-
	<b>9.385.765.506</b>	<b>5.390.298.897</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	6.334.507.823	5.887.993.369
Chi phí bảo dưỡng	5.330.481.464	4.041.196.797
Chi phí sửa chữa thường xuyên	4.160.821.122	2.115.598.467
Phân bổ chi phí lắp đặt	3.060.777.730	2.173.269.146
Chi phí mở rộng các tuyến ống	3.851.208.232	1.541.786.672
Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.821.096	233.184.021
Chi phí bán hàng khác	4.432.671.113	2.814.241.741
	<b>27.259.288.580</b>	<b>18.807.270.213</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.550.927.465	7.971.758.555
Chi phí thuế tài nguyên	6.138.822.524	4.512.592.977
Khấu hao tài sản cố định	2.047.477.458	1.932.216.051
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.024.106.891	7.942.826.262
	<b>23.761.334.338</b>	<b>22.359.393.845</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017 VND	2016 VND
Thu thanh lý tài sản	6.832.267.964	299.900.395
Giá trị còn lại của tài sản	(3.120.450.841)	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	3.711.817.123	299.900.395
Các khoản thu nhập khác	221.064.837	47.670.000
	<b>3.932.881.960</b>	<b>347.570.395</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

**6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.871.797.454	33.085.199.567
Chi phí nhân công	34.290.580.583	31.626.172.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.629.962.161	25.875.580.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.137.186.126	2.730.946.063
Chi phí khác	13.928.896.797	11.918.684.667
	<u>115.858.423.121</u>	<u>105.236.583.151</u>

**7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****7.1 Các giao dịch không bằng tiền**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017 VND	2016 VND
Tăng vốn do đánh giá lại tài sản trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa	94.961.961.474	-
	<u>94.961.961.474</u>	<u>-</u>

**7.2 Tiền thu từ đi vay**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017 VND	2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	99.990.925.378	77.112.350.268
	<u>99.990.925.378</u>	<u>77.112.350.268</u>

**7.3 Tiền trả nợ gốc vay**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017 VND	2016 VND
Tiền chi trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(60.437.922.890)	(36.544.105.880)
	<u>(60.437.922.890)</u>	<u>(36.544.105.880)</u>

**8 CÁC THÔNG TIN KHÁC****8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

**8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:****Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017 VND	2016 VND
Tiền lương	1.332.864.000	1.307.616.480
Thưởng	210.988.206	147.106.856
	<b>1.543.852.206</b>	<b>1.454.723.336</b>

**8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác****Giao dịch với các bên liên quan khác**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 28/12/2017 VND	2016 VND
<b>Công ty CP Nước Sóc Trăng</b>		
<b>Nghiệp vụ bán trong kỳ</b>		
- Cung cấp điện	238.135.396	-
- Lắp đặt đường ống	232.510.903	-
- Lắp đặt xí nghiệp cấp nước	-	4.036.363
- Tư vấn lập thuyết minh dự án	-	79.627.272
<b>Nghiệp vụ mua trong kỳ</b>		
- Mua nước sạch	8.552.665.700	4.870.889.400
- Nhận cung cấp điện	16.502.252	-

**Số dư phải trả với các bên liên quan khác**

	28/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Công ty CP Nước Sóc Trăng</b>		
Phải trả tiền mua nước	1.197.037.110	1.119.569.262

**8.2 Số liệu so sánh**

Số liệu đầu năm là số liệu đã được kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán số 05/TC/2016/HĐKT-VACA-CNCT do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – CN Cần Thơ phát hành ngày 07 tháng 02 năm 2017 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017

Tuy nhiên, một vài số liệu được trình bày lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính cho kỳ này dựa trên kết quả kiểm tra số dư đầu năm.

**Bảng cân đối kế toán**

	Mã số	Báo cáo kiểm toán 31/12/2016	Trình bày lại số dư đầu năm 01/01/2017	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18.032.542.967	35.158.494.652	17.125.951.685
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	67.215.206.885	50.089.255.200	(17.125.951.685)

**8.3 Khả năng hoạt động liên tục**

Trong kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 28 tháng 12 năm 2017, do quá trình cổ phần hóa và hoạt động đầu tư tài sản cố định trong kỳ, Công ty có phát sinh khoản phải trả về cổ phần hóa cho nhà nước và khoản nợ vay dài hạn đã đến hạn trong năm tiếp theo. Điều này dẫn đến, Công ty có khoản nợ ngắn hạn phải trả đến ngày 28 tháng 12 năm 2017 là 173.395.599.460 VND lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 52.429.779.117 VND, tương đương nợ ngắn hạn lớn hơn 1,43 lần so với tài sản ngắn hạn. Do đó, khả năng Công ty tiếp tục hoạt động liên tục phụ thuộc việc thực hiện các hoạt động kinh doanh có lãi trong tương lai và việc cơ cấu lại tài sản của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc ngày 28 tháng 12 năm 2017 đã được soạn thảo trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

**8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần tại ngày 29 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định 137 QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp Nước Sóc Trăng và Biên bản bàn giao của UBND tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



*[Signature]*

**VÕ THỊ PHƯƠNG DIỆU**  
Người lập biểu

*[Signature]*

**NGUYỄN VĂN GỠ**  
Kế toán trưởng

**ĐẶNG VĂN NGỌ**  
Tổng Giám đốc  
Sóc Trăng, ngày 30 tháng 03 năm 2018